



**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU  
NƯỚC GIẢI KHÁT VIGER**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU**

*Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản  
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020*

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần bia rượu nước giải khát Viger;

- Căn cứ Quyết định số 24/QĐ-VIBECO-HĐQT ngày 10/5/2020 của HĐQT Công ty về việc Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 bằng văn bản;

- Căn cứ Quyết định số 27/QĐ-VIBECO-HĐQT ngày 16/5/2020 của HĐQT Công ty về việc Thành lập Ban kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Ban kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản Đại hội đồng cổ đông thường niên bằng văn bản năm 2020 tiến hành kiểm phiếu, cụ thể như sau:

### **I/ Thời gian và địa điểm.**

- Thời gian: Vào hồi 9h00' ngày 08/06/2020
- Địa điểm: Tại phòng họp Công ty Cổ phần bia rượu nước giải khát Viger
- Địa chỉ: Khu 7 - Phường Thanh Miếu - Việt Trì - Phú Thọ

### **II/ Thành phần Ban kiểm phiếu gồm.**

- |                            |                                             |
|----------------------------|---------------------------------------------|
| 1. Bà Trần Thị Mùi         | - Trưởng ban Kiểm soát - Trưởng ban         |
| 2. Ông Nguyễn Công Khanh   | - Trưởng phòng TCHC - Phó ban               |
| 3. Bà Nguyễn Thị Hồng Liên | - Nhân viên phòng Tài chính kt - Thành viên |

#### **\* Nội dung:**

Ông Nguyễn Công Khanh báo cáo kết quả tổng hợp phiếu lấy ý kiến cổ đông Đại hội đồng cổ đông năm 2020 bằng văn bản như sau:

1. Tổng số số phiếu đã gửi cho cổ đông theo danh sách cổ đông chốt ngày 23/5/2020 là 96 cổ đông, tương ứng với 96 phiếu lấy ý kiến, tương đương 2.402.850 cổ phần.

2. Số phiếu thu về: Đến 17h00 ngày 06/6/2020 có tổng số 10 cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến, tương đương 2.034.600 cổ phần/2.402.850 cổ phần, bằng 84,67%/ tổng số cổ phần của Công ty. (có danh sách kèm theo).

2.1. Số phiếu hợp lệ là 10 phiếu, tương đương 2.034.600 cổ phần = 100 % số phiếu lấy ý kiến thu về.

2.2. Số phiếu không hợp lệ là 0 phiếu, tương đương 0 Cổ phần = 0%

3. Số phiếu không có người nhận gửi quay trở về Công ty là 12 phiếu, tương đương 69.589 cổ phần /2.402.850 cổ phần = 2,89 % tổng số cổ phần Công ty

4. Số phiếu không gửi ý kiến về Công ty là 74 phiếu tương đương 298.661 cổ phần /2.402.850 cổ phần = 12,43% tổng số cổ phần Công ty; So với số cổ phần có người nhận 298.661/2.333.261= 12,8%

Theo Điều 37 - Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần bia rượu nước giải khát Viger về điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông và Điều 41 - Điều lệ của Công ty quy định về thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản: "Tỷ

lệ lấy ý kiến cổ đông thông qua bằng văn bản phải được ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết”.

Kết quả các cổ đông biểu quyết thông qua các nội dung Đại hội lấy ý kiến cổ đông thông qua đều đạt tỷ lệ đồng ý trên 51%. Cụ thể như sau:

## I. THÔNG QUA CÁC BÁO CÁO HĐQT

1. Thông qua báo cáo số 29/BC-VIBECO-HĐQT ngày 28/5/2020 của HĐQT công ty về kết quả hoạt động năm 2019; Kế hoạch, nhiệm vụ năm 2020, trong đó một số chỉ tiêu chủ yếu sau:

1. Các chỉ tiêu chủ yếu năm 2019 và kế hoạch năm 2020:

| Stt | Chỉ tiêu                   | DVT        | Thực hiện năm 2019 | Kế hoạch năm 2020 | So sánh (%) |
|-----|----------------------------|------------|--------------------|-------------------|-------------|
| A   | B                          | C          | 1                  | 2                 | 3 = 2/1     |
| 1   | Giá trị SXCN               | Triệu đồng | 33.709,0           | 25.455,0          | 75,5        |
| 2   | Doanh thu thuần            | Triệu đồng | 90.244,8           | 47.394,0          | 52,5        |
| 3   | Nộp ngân sách              | Triệu đồng | 36.682,0           | 30.277,0          | 82,5        |
| 4   | Lợi nhuận trước thuế       | Triệu đồng | 1.286,9            | 142,0             | 11,3        |
| 5   | Thu nhập BQ người lao động | Trđ/ng/th  | 7,25               | 7,01              | 96,7        |
| 6   | Cổ tức                     | %          | 3,0                | 0,0               | -           |

Kết quả biểu quyết:

| Cổ đông biểu quyết | CP BQ/Tổng số CP    | Tỷ lệ % |
|--------------------|---------------------|---------|
| Tán thành          | 2.032.800/2.034.600 | 99,91   |
| Không tán thành    | 0                   | 0       |
| Không có ý kiến    | 1.800/2.034.600     | 00,09   |
| Ý kiến khác        | 0                   | 0       |

2. Thông qua báo cáo số 30/BC-VIBECO-HĐQT ngày 28/5/2020 của HĐQT về báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán và kế hoạch tài chính năm 2020, trong đó một số chỉ tiêu chủ yếu sau:

| Stt       | Chỉ tiêu                            | Tại thời điểm 31/12/2019 | Tại thời điểm 01/01/2019 |
|-----------|-------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
|           | <b>Tài sản</b>                      | <b>39.161.802.307</b>    | <b>52.691.706.534</b>    |
| <b>I</b>  | <b>Tài sản ngắn hạn</b>             | <b>18.405.253.921</b>    | <b>23.099.575.642</b>    |
| 1         | Tiền và các khoản tương đương tiền  | 2.744.883.698            | 1.711.856.879            |
| 2         | Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn |                          |                          |
| 3         | Các khoản phải thu ngắn hạn         | 12.565.428.338           | 17.392.112.174           |
| 4         | Hàng tồn kho                        | 2.964.006.394            | 3.154.420.025            |
| 5         | Tài sản ngắn hạn khác               | 130.935.491              | 841.186.564              |
| <b>II</b> | <b>Tài sản dài hạn</b>              | <b>20.756.548.386</b>    | <b>29.592.130.892</b>    |
| 1         | Các khoản phải thu dài hạn          |                          |                          |
| 2         | Tài sản cố định hữu hình            | 17.090.947.606           | 18.722.227.839           |
| 3         | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang     | 184.142.319              | 4.791.418                |
| 4         | Các khoản đầu tư tài chính dài hạn  | 1.000.000.000            | 7.000.000.000            |
| 5         | Tài sản dài hạn khác                | 2.481.458.461            | 3.865.111.635            |
|           | <b>Nguồn vốn</b>                    | <b>39.161.802.307</b>    | <b>52.691.706.534</b>    |
| <b>I</b>  | <b>Nợ phải trả</b>                  | <b>7.616.597.049</b>     | <b>22.146.948.269</b>    |
| 1         | Nợ ngắn hạn                         | 7.616.597.049            | 22.146.948.269           |

|    |                            |                |                |
|----|----------------------------|----------------|----------------|
| 2  | Nợ dài hạn                 |                |                |
| II | Vốn chủ sở hữu             | 31.545.205.258 | 30.544.758.265 |
| 1  | Vốn chủ sở hữu             | 31.545.205.258 | 30.544.758.265 |
| 2  | Nguồn kinh phí và quỹ khác | -              | -              |

**Kết quả biểu quyết:**

| Cổ đông biểu quyết | CP BQ/Tổng số CP    | Tỷ lệ % |
|--------------------|---------------------|---------|
| Tán thành          | 2.032.800/2.034.600 | 99,91   |
| Không tán thành    | 0                   | 0       |
| Không có ý kiến    | 1.800/2.034.600     | 00,09   |
| Ý kiến khác        | 0                   | 0       |

**3. Thông qua báo cáo ngày 28/5/2020 của Ban kiểm soát Công ty về hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019**

**Kết quả biểu quyết:**

| Cổ đông biểu quyết | CP BQ/Tổng số CP    | Tỷ lệ % |
|--------------------|---------------------|---------|
| Tán thành          | 2.032.800/2.034.600 | 99,91   |
| Không tán thành    | 0                   | 0       |
| Không có ý kiến    | 1.800/2.034.600     | 00,09   |
| Ý kiến khác        | 0                   | 0       |

**II. THÔNG QUA CÁC TỜ TRÌNH CỦA HĐQT**

**1. Tờ trình số 31/TTr-VIBECO-HĐQT, ngày 28/5/2020 của HĐQT về phương án phân chia lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2019.**

**1.1. Phương án phân chia lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2019**

| Stt | Chỉ tiêu                                      | Số tiền        |
|-----|-----------------------------------------------|----------------|
| 1   | Vốn điều lệ                                   | 24.028.500.000 |
| 2   | Lợi nhuận trước thuế                          | 1.286.927.499  |
| 3   | Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp           | 354.774.511    |
| 4   | Lợi nhuận sau thuế (2-3)                      | 932.152.988    |
| 5   | Trích lập các quỹ                             | 186.430.601    |
| 5.1 | Quỹ đầu tư phát triển sản xuất (10%)          | 93.215.300     |
| 5.2 | Quỹ khen thưởng 5%, phúc lợi 5% (10%)         | 93.215.300     |
| 6   | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối             | 745.722.387    |
| 7   | Lợi nhuận năm 2018 còn lại                    | 1.557.014.576  |
| 8   | Lợi nhuận dự kiến chia tức 3% cho các cổ đông | 720.855.000    |
| 9   | Lợi nhuận để lại năm sau (6+7-8)              | 1.581.881.963  |

- Thời gian trả cổ tức: Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày HĐQT có thông báo trả cổ tức.
- Phương thức trả cổ tức bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản qua ngân hàng.

**1.2. Giao Hội đồng quản trị Công ty sử dụng có hiệu quả các nguồn quỹ theo đúng quy định của điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.**

**Kết quả biểu quyết:**

| Cổ đông biểu quyết | CP BQ/Tổng số CP    | Tỷ lệ % |
|--------------------|---------------------|---------|
| Tán thành          | 2.032.800/2.034.600 | 99,91   |
| Không tán thành    | 0                   | 0       |
| Không có ý kiến    | 1.800/2.034.600     | 00,09   |
| Ý kiến khác        | 0                   | 0       |

2. Thông qua tờ trình số 32/TTr-VIBECO-HĐQT ngày 28/5/2020 của HĐQT về kế hoạch SXKD 2020, gồm các chỉ tiêu chủ yếu sau:

| Stt | Chỉ tiêu                   | ĐVT        | Thực hiện năm 2019 | Kế hoạch năm 2020 | So sánh (%) |
|-----|----------------------------|------------|--------------------|-------------------|-------------|
| A   | B                          | C          | 1                  | 2                 | 3 = 2/1     |
| 1   | Giá trị SXCN               | Triệu đồng | 35.187,0           | 25.455,0          | 72,34       |
| 2   | Doanh thu thuần            | Triệu đồng | 90.244,8           | 47.394,0          | 52,52       |
| 3   | Nộp ngân sách              | Triệu đồng | 36.682,0           | 30.277,0          | 82,54       |
| 4   | Lợi nhuận trước thuế       | Triệu đồng | 1.286,9            | 142,1             | 11,04       |
| 5   | Thu nhập BQ người lao động | Trđ/ng/th  | 7,25               | 7,01              | 96,69       |
| 6   | Cổ tức                     | %          | 3,0                | 0,0               | -           |

Kết quả biểu quyết:

| Cổ đông biểu quyết | CP BQ/Tổng số CP    | Tỷ lệ % |
|--------------------|---------------------|---------|
| Tán thành          | 2.032.800/2.034.600 | 99,91   |
| Không tán thành    | 0                   | 0       |
| Không có ý kiến    | 1.800/2.034.600     | 00,09   |
| Ý kiến khác        | 0                   | 0       |

3. Thông qua tờ trình số 33/TTr-VIBECO-HĐQT ngày 28/5/2020 về mức thù lao và kinh phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2020 như sau:

3.1. Mức thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

- Chủ tịch HĐQT : 5.600.000 đồng/tháng
- Các thành viên HĐQT : 4.000.000 đồng/người/tháng
- Trưởng ban BKS : 4.000.000 đồng/tháng
- Các thành viên BKS : 2.100.000 đồng/người/tháng

3.2. Từ ngày 01/01/2021 đến ngày tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của Công ty, nếu chưa có quy định mới thì tạm thực hiện theo mức thù lao năm 2020.

3.3. Mức kinh phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2020 tối đa là 0,5% doanh thu thuần.

Kết quả biểu quyết:

| Cổ đông biểu quyết | CP BQ/Tổng số CP    | Tỷ lệ % |
|--------------------|---------------------|---------|
| Tán thành          | 2.032.800/2.034.600 | 99,91   |
| Không tán thành    | 0                   | 0       |
| Không có ý kiến    | 1.800/2.034.600     | 00,09   |
| Ý kiến khác        | 0                   | 0       |

4. Thông qua tờ trình số 34/TTr-VIBECO-HĐQT ngày 28/5/2020 của HĐQT về lựa chọn đơn vị kiểm toán. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT công ty lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020.

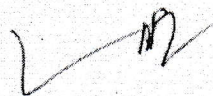
Kết quả biểu quyết:

| Cổ đông biểu quyết | CP BQ/Tổng số CP    | Tỷ lệ % |
|--------------------|---------------------|---------|
| Tán thành          | 2.032.800/2.034.600 | 99,91   |
| Không tán thành    | 0                   | 0       |
| Không có ý kiến    | 1.800/2.034.600     | 00,09   |
| Ý kiến khác        | 0                   | 0       |

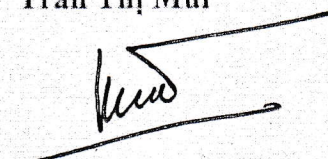
Việc kiểm phiếu kết thúc vào 11h30' cùng ngày, toàn bộ phiếu lấy ý kiến cổ đông được lưu giữ tại phòng Tài chính kế toán công ty. Các thành viên ban kiểm phiếu nhất trí 100% các nội dung trên, không ai có ý kiến gì khác và cùng ký vào biên bản.

Biên bản kiểm phiếu lập thành 02 bản, gồm 05 trang có giá trị như nhau./.

### THÀNH PHẦN BAN KIỂM PHIẾU



Trần Thị Mùi



Nguyễn Công Khanh



Nguyễn Thị Hồng Liên